TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 07/9/2020.
"V/v ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:* Bà Phạm Thị Khánh Thiện.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đông Sơ.

Ông Nguyễn Đức Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà **-** Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Bà Phạm Thị Quyên - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 07 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 79/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2020, về việc "Ly hôn, nuôi con chung". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/7/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 61/2020/QĐST-HNGĐ ngày 13/8/2020, Thông báo thay đổi lịch phiên tòa số 61/2020/TB-TA ngày 14/8/2020 và thông báo thay đổi lịch phiên tòa số 64/2020/TB-TA ngày 31 tháng 8 năm 2020 giữa:

- Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị L, sinh ngày 29/6/1985.**

Địa chỉ: N, L, thị xã K, tỉnh Hải Dương.

(Chị L có đơn xin xử vắng mặt)

- Bị đơn: **Anh Nguyễn Văn H, sinh ngày 20/6/1984**.

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Ph, L, thị xã K, tỉnh Hải Dương.

Hiện đang làm việc tại Cộng hòa Liên bang Đức.(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai - Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bầy: Chị và anh Nguyễn Văn H được tự do tìm hiểu nhau và tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương vào ngày 26/4/2017. Trước đây chị và anh H đã đăng ký kết hôn vào năm 2008. Đến năm 2015 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên năm 2015 chị và anh H đã giải quyết ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện K. Sau đó vì thương con nên chị và anh H quay

lại với nhau và đi đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện K. Sau khi kết hôn vợ chồng có thêm con Nguyễn Ngọc H1, sinh ngày 22/03/2018. Sau khi kết hôn lại trong thời gian có thai cháu Ngọc H1, anh H lại tiếp tục đi xuất khẩu lao động tại Cộng hòa Liên bang Đức, anh H không quan tâm lo lắng chăm sóc và có trách nhiệm với con cái. Vợ chồng ở xa nên xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, thường xuyên cãi nhau, không tôn trọng nhau. Đến nay chị nhận thấy hôn nhân giữa chị và anh H không hạnh phúc, không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

Hiện nay anh Nguyễn Văn H đang lao động bên CHLB Đức nhưng địa chỉ cụ thể của anh H bên đó như thế nào chị không nắm được, chị được biết anh H vẫn liên lạc điện thoại về nhà cho bố mẹ anh H và anh H cũng biết việc chị nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án.

+ Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung là Nguyễn Tiến Ph, sinh ngày 08/08/2008 và Nguyễn Ngọc H1, sinh ngày 22/03/2018. Hiện hai cháu đang ở với chị. Khi ly hôn chị đề nghị Tòa án giao cả 2 con cho chị nuôi dưỡng và tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do điều kiện công việc, chị L có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Quá trình giải quyết vụ án, chị L không cung cấp được địa chỉ của anh Nguyễn Văn H tại Cộng hòa Liên bang Đức. Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã lấy lời khai của ông Nguyễn Mạnh Đ là bố đẻ anh H, ông Đ xác nhận anh H vẫn thỉnh thoảng liên lạc về nhà. Tòa án yêu cầu ông Đ cung cấp địa chỉ của anh H ở Đ và yêu cầu anh H gửi văn bản trình bày ý kiến, quan điểm của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của chị L, nhưng ông Đ không cung cấp được địa chỉ của anh H, anh H cũng không có văn bản gửi về. Tòa án đã tiến hành giao các văn bản tố tụng cho ông Đ, đồng thời tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Sau khi nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, ông Đ xác định đã thông tin cho anh H biết, anh H có quan điểm nhất trí ly hôn với chị L và nhất trí giao con cho chị L nuôi, về tài sản không yêu cầu tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán.

- Về thụ lý vụ án: Tòa án tỉnh thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền.

- Về thu thập chứng cứ: Viêc giao nộp thu thập chứng cứ được thẩm phán thực hiện theo đúng quy định tại Điều 96, 97, 98 BLTTDS năm 2015. Tòa án thu thập chứng cứ vận dụng giải quyết theo tinh thần công văn 253 của Tòa án nhân dân Tối cao.

- Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời gian xét xử chưa đảm bảo quy định về thời hạn giải quyết vụ án. Thời hạn giao hồ sơ cho VKS nghiên cứu đảm bảo đúng quy định.

- Các văn bản tố tụng Tòa án gửi cho Viện kiểm sát và cấp, tống đạt cho đương sự thực hiện đúng quy định của pháp luật.

* Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng

Trong quá trình giải quyết nguyên đơn chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS năm 2015.

* Về hướng giải quyết vụ án:

Chị L và anh H đăng ký kết hôn vào năm 2008. Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc và sinh 01 con chung. Năm 2015 vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn trầm trọng và đã ly hôn. Sau đó vợ chồng hàn gắn tình cảm quay lại chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại UBND xã L ngày 26/4/2017. Năm 2018 anh chị sinh con thứ 2 nhưng tình cảm vợ chồng tiếp tục mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh H đi lao động tại CHLB Đức nên vợ chồng ngày càng xa cách. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng chấm dứt nên chị xin ly hôn anh H. Bị đơn là anh H không có lời khai thể hiện quan điểm của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nguyên đơn (chị L) và gia đình anh H hiện không cung cấp được địa chỉ của bị đơn để Tòa án tiến hành tống đạt cho bị đơn theo quy định.

Vụ án thụ lý ngày 04/5/2020, Tòa án mở phiên tòa vào ngày 07/9/2020 là chưa đảm bảo thời hạn giải quyết vụ án (từ 9-12 tháng) theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 476 BLTTDS.

Do việc thu thập chứng cứ chưa đầy đủ để đảm bảo cho việc giải quyết vụ án như đã nêu trên nên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương đề nghị HĐXX tạm ngừng phiên tòa để tiếp tục xác minh thu thập địa chỉ của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị L không cung cấp được địa chỉ của anh H tại Cộng hòa Liên bang Đức. Theo hướng dẫn tại công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án đã hai lần yêu cầu gia đình anh H cung cấp địa chỉ, cũng như thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho anh H biết để gửi lời khai về cho Tòa án, nhưng gia đình không cung cấp được và không thực hiện yêu cầu của Tòa án, đồng thời Tòa án cũng đã niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Nên áp dụng công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục cố tình giấu địa chỉ.

Chị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Hạnh vắng mặt lần thứ hai. Do

vậy căn cứ khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị L, anh H.

[2]. Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương vào ngày 26/4/2017, do vậy đây là hôn nhân hợp pháp. Chị L và anh H đã kết hôn lần đầu vào năm 2008, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2015 vợ chồng ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện K, nay là thị xã K. Sau đó nghĩ vì con nên anh chị đã quay lại với nhau và đi đăng ký kết hôn, tuy nhiên trong cuộc sống vẫn xảy ra mâu thuẫn, chị L trình bày là do anh H không quan tâm lo lắng chăm sóc và có trách nhiệm với con cái. Theo ông Đ bố anh H thì vợ chồng mâu thuẫn do bất đồng về kinh tế, không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Sau khi kết hôn anh H lại đi lao động tại Đức nên trong cuộc sống có sự xa cách. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H. Về phía anh H cũng đã được gia đình cho biết Tòa án đang giải quyết ly hôn theo đơn xin ly hôn của chị L. Anh H cũng có quan điểm đồng ý ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã sống ly thân được gần 3 năm nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L.

- *Về con chung:* Vợ chồng có 2 con chung là Nguyễn Tiến Ph, sinh ngày 08/08/2008 và cháu Nguyễn Ngọc H1, sinh ngày 22/03/2018. Hiện nay chị L đang trực tiếp nuôi dưỡng hai con. Khi ly hôn chị chị L có nguyện vọng được nuôi cả hai con và tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị. Anh H cũng nhất trí với quan điểm của chị L. Cháu Ph cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu xin được nuôi con của chị L. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng không xem xét.

[3].Về án phí: Chị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56, Điều 58, Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Tiến Ph, sinh ngày 08/08/2008 và cháu Nguyễn Ngọc H1, sinh ngày 22/03/2018 cho chị L nuôi dưỡng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh H phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con;

Anh H được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản, nợ chung: Anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0002108 ngày 24 tháng 4 năm 2020 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị Nguyễn Thị L đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Văn H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Hải Dương;*
- *Các đương sự;*
- *Cục THADS tỉnh Hải Dương;*
- *UBND xã Lạc Long, thị xã Kinh môn, tỉnh Hải Dương*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Khánh Thiện